

HỘI ĐỒNG KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ TIN HỌCĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Mẫu T3)

KỶ KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ A,B TIN HỌC

Khoá ngày: 15 tháng 10 năm 2015

BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CHỨNG CHỈ A**ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN TỈNH**

Stt	Sbd	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm bài kiểm tra		Tổng điểm	Điểm TB cộng	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành					
1	1	Nguyễn Thị Châu	Á	14.05.1995	Tây Ninh	5,0	5,5	10,5	5,3	ĐẠT	Trung bình	
2	2	Nguyễn Hoàng	An	10.02.1997	Tây Ninh	7,0	4,5	11,5	5,8	ĐẠT	Trung bình	
3	3	Nguyễn Thị Thúy	An	10.03.1995	Tây Ninh	9,0	6,5	15,5	7,8	ĐẠT	Khá	
4	4	Phạm Nguyễn Trâm	Anh	01.11.2004	Tây Ninh	6,0	7,5	13,5	6,8	ĐẠT	Trung bình	
5	5	Ngô Thị Hồng	Châu	02.08.1995	Tây Ninh	7,0	5,0	12,0	6,0	ĐẠT	Trung bình	
6	6	Võ Thị Kim	Chi	14.10.1990	Tây Ninh	9,5	6,0	15,5	7,8	ĐẠT	Khá	
7	7	Đinh Hữu	Công	20.07.1997	Hà Tây	Vắng	Vắng					
8	8	Đào Văn	Cường	23.11.1994	Tây Ninh	7,5	9,5	17,0	8,5	ĐẠT	Giỏi	
9	9	Trần Quốc	Cường	11.03.2002	Tây Ninh	5,5	4,0	9,5	4,8			
10	10	Dương Phương	Đăng	03.08.1994	TP.HCM	9,0	7,0	16,0	8,0	ĐẠT	Giỏi	
11	11	Phạm Thị Thu	Đào	07.09.1995	Tây Ninh	9,0	3,0	12,0	6,0	ĐẠT	Trung bình	
12	12	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	29.11.1996	Tây Ninh	5,0	7,5	12,5	6,3	ĐẠT	Trung bình	
13	13	Nguyễn Thế	Diên	15.10.1972	Nghệ An	5,0	3,0	8,0	4,0			
14	14	Huỳnh Thị Ngọc	Diệp	10.02.1995	Tây Ninh	7,0	7,0	14,0	7,0	ĐẠT	Khá	
15	15	Cao Xuân	Duẩn	07.08.1984	Hà Tĩnh	7,0	7,0	14,0	7,0	ĐẠT	Khá	
16	16	Trần Thị Thùy	Dương	31.03.1991	Tây Ninh	7,0	9,0	16,0	8,0	ĐẠT	Giỏi	
17	17	Trần Thị Thúy	Duy	20.07.1997	Tây Ninh	8,0	8,0	16,0	8,0	ĐẠT	Giỏi	
18	18	Nguyễn Minh	Duyên	17.01.1996	Tây Ninh	7,0	7,5	14,5	7,3	ĐẠT	Khá	
19	19	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	17.04.1995	Tây Ninh	9,5	7,0	16,5	8,3	ĐẠT	Giỏi	

Stt	Sbd	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm bài kiểm tra		Tổng điểm	Điểm TB cộng	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành					
20	20	Phan Tống Mỹ	Duyên	22.02.1994	Tây Ninh	8,5	8,0	16,5	8,3	ĐẠT	Giỏi	
21	21	Võ Thị Ngọc	Giàu	09.10.1997	Tây Ninh	7,0	7,0	14,0	7,0	ĐẠT	Khá	
22	22	Lê Chí	Hải	27.03.1999	Tây Ninh	3,0	5,0	8,0	4,0			
23	23	Trần Thị Ngọc	Hằng	10.02.1991	Tây Ninh	7,0	8,0	15,0	7,5	ĐẠT	Khá	
24	24	Huỳnh Thị Thúy	Hằng	02.12.1995	Tây Ninh	9,5	9,0	18,5	9,3	ĐẠT	Giỏi	
25	25	Lưu Thị Mỹ	Hạnh	09.04.1994	Tây Ninh	8,0	4,5	12,5	6,3	ĐẠT	Trung bình	
26	26	Nguyễn Thành	Hào	26.06.2000	Tây Ninh	8,0	5,0	13,0	6,5	ĐẠT	Trung bình	
27	27	Nguyễn Trung	Hiếu	02.02.1993	Tây Ninh	5,0	7,5	12,5	6,3	ĐẠT	Trung bình	
28	28	Vương Hoàng Trọng	Hiếu	09.11.2003	Tây Ninh	7,5	8,5	16,0	8,0	ĐẠT	Giỏi	
29	29	Phạm Đức	Hiếu	22.12.1993	Tây Ninh	5,5	6,5	12,0	6,0	ĐẠT	Trung bình	
30	30	Trần Thị Hồng	Hiếu	12.11.1994	Tây Ninh	9,0	8,5	17,5	8,8	ĐẠT	Giỏi	
31	31	Phan Thị Kim	Huệ	10.12.1994	Tây Ninh	4,0	7,0	11,0	5,5	ĐẠT	Trung bình	
32	32	Nguyễn Thị Ngọc	Huệ	05.02.1995	Sông Bé	7,5	8,5	16,0	8,0	ĐẠT	Giỏi	
33	33	Phan Việt	Hung	28.08.1974	Tây Ninh	5,0	5,0	10,0	5,0	ĐẠT	Trung bình	
34	34	Dương Thị Kim	Hương	22.05.1972	Tây Ninh	7,0	10,0	17,0	8,5	ĐẠT	Giỏi	
35	35	Trần Thị Ngọc	Hương	06.12.1995	Tây Ninh	7,0	8,0	15,0	7,5	ĐẠT	Khá	
36	36	Nguyễn Thị Tú	Huyền	20.01.1995	Tây Ninh	9,5	7,5	17,0	8,5	ĐẠT	Giỏi	
37	37	Huỳnh Hà Phương	Huyền	25.05.1995	Tây Ninh	5,0	7,0	12,0	6,0	ĐẠT	Trung bình	
38	38	Nguyễn Mạnh	Huỳnh	06.09.2000	Tây Ninh	7,0	9,0	16,0	8,0	ĐẠT	Giỏi	
39	39	Trương Thanh	Khải	14.08.2001	Tây Ninh	Vắng	Vắng					
40	40	Bùi Tuấn	Kiệt	06.02.1979	Tây Ninh	4,5	3,0	7,5	3,8			
41	41	Trần Thị Diễm	Kiều	06.02.1996	Tây Ninh	8,0	8,0	16,0	8,0	ĐẠT	Giỏi	
42	42	Pha Sĩ	Lah	02.09.1995	Tây Ninh	9,0	7,5	16,5	8,3	ĐẠT	Giỏi	
43	43	Đặng Thị Ngọc	Lam	20.01.1990	Tây Ninh	6,0	8,5	14,5	7,3	ĐẠT	Khá	
44	44	Nguyễn Thị Ngọc	Lanh	05.02.1995	Tây Ninh	9,0	9,0	18,0	9,0	ĐẠT	Giỏi	
45	45	Phùng Thị Trúc	Linh	15.10.1997	Tây Ninh	6,5	3,5	10,0	5,0	ĐẠT	Trung bình	
46	46	Nguyễn Thị Ánh	Linh	29.08.1996	Tây Ninh	7,0	8,0	15,0	7,5	ĐẠT	Khá	
47	47	Phạm Thị Cẩm	Loan	12.01.1995	Tây Ninh	9,0	6,5	15,5	7,8	ĐẠT	Khá	
48	48	Nguyễn Thị Hồng	Loan	10.12.1995	Tây Ninh	8,0	8,5	16,5	8,3	ĐẠT	Giỏi	

Stt	Sbd	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm bài kiểm tra		Tổng điểm	Điểm TB cộng	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành					
49	49	Trương Vĩnh	Lộc	18.02.1990	Tây Ninh	6,0	7,5	13,5	6,8	ĐẠT	Trung bình	
50	50	Nguyễn Hoàn	Lực	10.01.1994	Tây Ninh	4,5	6,5	11,0	5,5	ĐẠT	Trung bình	
51	51	Dương Thị Tuyết	Mai	14.05.1988	Tây Ninh	7,0	3,0	10,0	5,0	ĐẠT	Trung bình	
52	52	Phạm Trần Nhứt	Minh	23.09.1994	Tây Ninh	8,5	7,5	16,0	8,0	ĐẠT	Giỏi	
53	53	Võ Thị Kim	Minh	30.08.2000	Tây Ninh	Vắng	Vắng					
54	54	Nguyễn Văn	Mộng	23.04.1984	Tây Ninh	Vắng	Vắng					
55	55	Thao Thị	Nên	03.03.1995	Tây Ninh	8,0	7,0	15,0	7,5	ĐẠT	Khá	
56	56	Ngô Thị Thùy	Nga	24.11.1997	Tây Ninh	4,5	6,0	10,5	5,3	ĐẠT	Trung bình	
57	57	Phạm Thị	Nga	05.09.1992	Tây Ninh	9,0	7,0	16,0	8,0	ĐẠT	Giỏi	
58	58	Trần Thị Thu	Ngân	10.03.1992	Cần Thơ	7,5	10,0	17,5	8,8	ĐẠT	Giỏi	
59	59	Võ Thị Kim	Ngân	18.05.1995	Tây Ninh	7,0	7,0	14,0	7,0	ĐẠT	Khá	
60	60	Nguyễn Thị Hoàng	Ngọc	16.04.1991	Bến Tre	6,5	4,5	11,0	5,5	ĐẠT	Trung bình	
61	61	Lê Duy	Ngọc	15.05.1993	Tây Ninh	5,0	3,5	8,5	4,3			
62	62	Nguyễn Thị Tố	Nguyên	30.12.1995	Tây Ninh	5,5	4,5	10,0	5,0	ĐẠT	Trung bình	
63	63	Đào Thị Thanh	Nhân	15.01.1995	Tây Ninh	7,5	6,5	14,0	7,0	ĐẠT	Khá	
64	64	Nguyễn Thành	Nhân	29.03.1995	Tây Ninh	8,5	8,5	17,0	8,5	ĐẠT	Giỏi	
65	65	Lê Trọng	Nhân	25.08.2003	Tây Ninh	6,5	7,0	13,5	6,8	ĐẠT	Trung bình	
66	66	Trần Thị Tuyết	Nhi	19.05.1998	Tây Ninh	5,0	4,5	9,5	4,8			
67	67	Trần Đặng Thảo	Nhi	03.10.2003	Tây Ninh	6,5	5,0	11,5	5,8	ĐẠT	Trung bình	
68	68	Trần Yên	Nhi	20.03.1995	TP.HCM	9,5	10,0	19,5	9,8	ĐẠT	Giỏi	
69	69	Phạm Thị Yên	Nhi	20.12.1995	Tây Ninh	9,0	8,5	17,5	8,8	ĐẠT	Giỏi	
70	70	Nguyễn Thị	Nhi	12.04.1992	Tây Ninh	9,0	10,0	19,0	9,5	ĐẠT	Giỏi	
71	71	Trần Thị	Nhiên	22.03.1997	Tây Ninh	7,0	8,5	15,5	7,8	ĐẠT	Khá	
72	72	Lê Ngọc Quỳnh	Như	24.09.1994	Tây Ninh	6,5	7,5	14,0	7,0	ĐẠT	Khá	
73	73	Dương Thị Huỳnh	Như	23.05.1997	Tây Ninh	5,0	4,0	9,0	4,5			
74	74	Cao Phạm Ngọc	Như	06.08.2002	Tây Ninh	Vắng	5,0	5,0	2,5			
75	75	Nguyễn Thị	Nhung	14.02.1994	Tây Ninh	5,0	4,0	9,0	4,5			
76	76	Kiều Ngọc	Nhứt	16.01.1976	Tây Ninh	5,0	5,5	10,5	5,3	ĐẠT	Trung bình	
77	77	Thạch Thị Châm	Pa	06.09.1986	Trà Vinh	5,0	3,0	8,0	4,0			

Stt	Sbd	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm bài kiểm tra		Tổng điểm	Điểm TB cộng	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành					
78	78	Đào Hồng	Phúc	30.12.2000	Tây Ninh	5,0	7,0	12,0	6,0	ĐẠT	Trung bình	
79	79	Trần Lâm	Phước	09.11.2000	Tây Ninh	7,0	7,5	14,5	7,3	ĐẠT	Khá	
80	80	Trần Quy	Phương	06.11.1976	Hung Yên	7,5	6,0	13,5	6,8	ĐẠT	Trung bình	
81	81	Nguyễn Thị Thanh	Phương	03.03.1995	Tây Ninh	9,0	9,0	18,0	9,0	ĐẠT	Giỏi	
82	82	Lê Bảo	Quốc	31.08.1994	Tây Ninh	7,5	6,0	13,5	6,8	ĐẠT	Trung bình	
83	83	Trương Thị Thảo	Quyên	07.05.1993	Tây Ninh	7,0	10,0	17,0	8,5	ĐẠT	Giỏi	
84	84	Lê Thị	Quyên	16.09.1995	Long An	9,0	7,0	16,0	8,0	ĐẠT	Giỏi	
85	85	Nguyễn Đỗ	Quyên	21.02.1995	Tây Ninh	9,0	7,0	16,0	8,0	ĐẠT	Giỏi	
86	86	Nguyễn Thanh	Sang	20.12.1984	Tây Ninh	7,0	4,5	11,5	5,8	ĐẠT	Trung bình	
87	87	Lê Ngọc	Son	05.08.1995	Tây Ninh	9,5	8,0	17,5	8,8	ĐẠT	Giỏi	
88	88	Lê Ngọc	Sương	16.12.1997	Tây Ninh	7,5	7,0	14,5	7,3	ĐẠT	Khá	
89	89	Phan Thành	Tài	07.11.1995	Tây Ninh	8,0	7,5	15,5	7,8	ĐẠT	Khá	
90	90	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	25.07.1993	Đồng Nai	9,5	7,5	17,0	8,5	ĐẠT	Giỏi	
91	91	Ngân Thị	Tập	04.10.1995	Thanh Hóa	9,0	7,5	16,5	8,3	ĐẠT	Giỏi	
92	92	Võ Thị	Thắm	22.07.1992	Tây Ninh	Vắng	Vắng					
93	93	Nguyễn Hoàng	Thắng	16.07.1995	Tây Ninh	8,5	5,5	14,0	7,0	ĐẠT	Trung bình	
94	94	Lý Minh	Thắng	10.03.1990	Tây Ninh	9,0	6,5	15,5	7,8	ĐẠT	Khá	
95	95	Nguyễn Quốc	Thắng	31.03.1997	Tây Ninh	5,0	9,0	14,0	7,0	ĐẠT	Trung bình	
96	96	Nguyễn Thị Thu	Thảo	29.07.1995	Tây Ninh	9,5	7,0	16,5	8,3	ĐẠT	Giỏi	
97	97	Nguyễn Thị	Thảo	15.08.1971	Tây Ninh	8,5	7,5	16,0	8,0	ĐẠT	Giỏi	
98	98	Đàm Thị Phúc	Thảo	07.11.1996	Tây Ninh	7,0	7,0	14,0	7,0	ĐẠT	Khá	
99	99	Cù Thị Thu	Thảo	29.04.1995	Tây Ninh	9,0	9,5	18,5	9,3	ĐẠT	Giỏi	
100	100	Võ Thị Phương	Thảo	10.08.2001	Tây Ninh	8,0	3,5	11,5	5,8	ĐẠT	Trung bình	
101	101	Trần Thị Thanh	Thảo	27.02.1995	Tây Ninh	10,0	10,0	20,0	10,0	ĐẠT	Giỏi	
102	102	Nguyễn Huỳnh Như	Thảo	10.06.1994	Tây Ninh	9,5	7,5	17,0	8,5	ĐẠT	Giỏi	
103	103	Hồ Thị Mỹ	Thiện	26.11.1995	Bến Tre	9,5	8,5	18,0	9,0	ĐẠT	Giỏi	
104	104	Nguyễn Ngọc	Thom	25.05.1993	Tây Ninh	8,5	8,0	16,5	8,3	ĐẠT	Giỏi	
105	105	Trương Thị Huyền	Thương	13.03.1995	Thanh Hóa	9,0	4,5	13,5	6,8	ĐẠT	Trung bình	
106	106	Phan Thị Xuân	Thương	13.01.1994	Tây Ninh	9,0	7,5	16,5	8,3	ĐẠT	Giỏi	

Stt	Sbd	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm bài kiểm tra		Tổng điểm	Điểm TB cộng	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành					
107	107	Huỳnh Thị Thanh	Thúy	10.12.1991	Tây Ninh	9,5	10,0	19,5	9,8	ĐẠT	Giỏi	
108	108	Thị Thị Thu	Thúy	29.06.1997	Tây Ninh	5,0	7,5	12,5	6,3	ĐẠT	Trung bình	
109	109	Dương Ngọc Bích	Thụy	17.05.1994	Tây Ninh	9,0	6,5	15,5	7,8	ĐẠT	Khá	
110	110	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	06.05.1995	Tây Ninh	6,5	3,5	10,0	5,0	ĐẠT	Trung bình	
111	111	Đặng Văn	Tiền	15.05.1994	Tây Ninh	5,5	5,0	10,5	5,3	ĐẠT	Trung bình	
112	112	Phạm Hoàng	Tính	30.03.2004	Tây Ninh	5,5	10,0	15,5	7,8	ĐẠT	Trung bình	
113	113	Thái	Toàn	20.03.2000	TP.HCM	8,5	5,5	14,0	7,0	ĐẠT	Trung bình	
114	114	Nguyễn Đài	Trang	26.01.1995	Tây Ninh	8,0	7,0	15,0	7,5	ĐẠT	Khá	
115	115	Trần Huỳnh	Trang	24.04.1995	Tây Ninh	5,5	7,5	13,0	6,5	ĐẠT	Trung bình	
116	116	Nguyễn Thị Thu	Trang	06.05.1997	Tây Ninh	6,5	8,0	14,5	7,3	ĐẠT	Khá	
117	117	Trần Thị Thùy	Trang	30.10.1997	Tây Ninh	6,5	7,0	13,5	6,8	ĐẠT	Trung bình	
118	118	Nguyễn Minh	Trí	17.01.1995	Tây Ninh	5,0	8,5	13,5	6,8	ĐẠT	Trung bình	
119	119	Nguyễn Hữu	Trí	20.07.1992	Tây Ninh	7,0	7,5	14,5	7,3	ĐẠT	Khá	
120	120	Nguyễn Minh	Trí	13.04.1985	Tây Ninh	5,5	5,5	11,0	5,5	ĐẠT	Trung bình	
121	121	Đỗ Thị Lệ	Trình	17.01.1995	Tây Ninh	9,5	4,5	14,0	7,0	ĐẠT	Trung bình	
122	122	Đỗ Thị Yên	Trình	16.11.1995	Tây Ninh	7,5	6,5	14,0	7,0	ĐẠT	Khá	
123	123	Lê Thị Diễm	Trình	04.03.2000	Tây Ninh	Vắng	Vắng					
124	124	Bùi Thị Tô	Trình	11.09.1994	Tây Ninh	8,0	7,5	15,5	7,8	ĐẠT	Khá	
125	125	Phạm Thị Diễm	Trình	20.07.1995	Tây Ninh	7,5	8,0	15,5	7,8	ĐẠT	Khá	
126	126	Phạm Hiếu	Trung	08.07.1994	Tây Ninh	7,5	7,5	15,0	7,5	ĐẠT	Khá	
127	127	Lê Thị Cẩm	Tú	09.07.1999	Đồng Nai	Vắng	Vắng					
128	128	Huỳnh Thị	Tú	30.01.1995	Tây Ninh	9,0	7,5	16,5	8,3	ĐẠT	Giỏi	
129	129	Nguyễn Văn	Tư	02.08.1991	Tây Ninh	8,0	6,0	14,0	7,0	ĐẠT	Khá	
130	130	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	08.09.1996	Tây Ninh	Vắng	Vắng					
131	131	Hồng Văn	Út	12.04.1992	Tây Ninh	7,0	4,5	11,5	5,8	ĐẠT	Trung bình	
132	132	Hoàng Thị Ngọc	Uyên	01.07.1997	Tây Ninh	6,0	8,5	14,5	7,3	ĐẠT	Khá	
133	133	Nguyễn Thị Thùy	Vân	01.07.1995	Tây Ninh	7,0	7,5	14,5	7,3	ĐẠT	Khá	
134	134	Lương Thị Thúy	Vi	30.08.1994	Tây Ninh	6,0	9,5	15,5	7,8	ĐẠT	Khá	
135	135	Mang Tuấn	Vĩ	10.11.2000	Tây Ninh	Vắng	Vắng					

Stt	Sbd	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm bài kiểm tra		Tổng điểm	Điểm TB cộng	Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành					
136	136	Đặng Trần Khánh	Vy	28.08.1993	Tây Ninh	7,5	6,0	13,5	6,8	ĐẠT	Trung bình	
137	137	Trần Hồng Thúy	Vy	15.06.1994	Tây Ninh	5,0	2,5	7,5	3,8			
138	138	Vũ Thị Hoàng	Yến	02.05.195	Tây Ninh	5,0	3,5	8,5	4,3			
139	139	Thái Thị Bảo	Yến	10.11.1994	Tây Ninh	4,0	5,0	9,0	4,5			
140	140	Lê Thị Ngọc	Yến	16.07.1992	Tây Ninh	7,0	6,5	13,5	6,8	ĐẠT	Trung bình	
141	141	Nguyễn Văn	Thu	1966	Long An	Vắng	Vắng					

Tây Ninh, ngày 21 tháng 10 năm 2015

Danh sách này có 141 thí sinh, trong đó dự kiểm tra: 131 có 118 thí sinh đạt yêu cầu
Xếp loại: Giỏi: 41 Khá: 33 Trung bình: 44

BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN

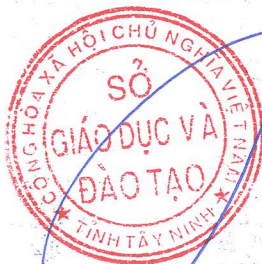
Tổ lên điểm:

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

1 Huỳnh Thanh Hải

2 Bùi Văn Thục

PHÓ GIÁM ĐỐC



Dương Văn Sáu

Nguyễn Viết Hào